

Bản án số: 07/2025/DS-ST.  
Ngày: 08 - 7 - 2025.  
V/v “Tranh chấp hợp đồng cầm cố”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Nhật Lệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung.

Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký  
Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 828/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S tiền có ngay (được đổi tên từ Công ty TNHH S1 theo văn bản số 127/ĐKKD ngày 23/5/2024 của phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh N)

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Minh Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ liên hệ: 370 L, ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai)

- Bị đơn: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai)

(Ông Đ có mặt, ông H vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S tiền có ngay (viết tắt là Công ty S) có ông Trương Minh Đ trình bày:

Vào ngày 04/12/2020, ông Đặng Minh H có đến Công ty cổ phần S tiền có ngay (được đổi tên từ Công ty TNHH S1) để ký hợp đồng cầm cố tài sản số LTM201201003NA19X với các nội dung như sau: Ông Đặng Minh H cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh BKS 60G1-197.03, loại xe Honda Vision, màu: đỏ nâu đen, số khung 5835KZ481490, số máy JF86E5051514, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 015292 do Công an tỉnh Đ cấp ngày 16/12/2019 mang tên ông Đặng Minh H cho Công ty S để lấy số tiền 19.800.000 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 04/12/2020 đến 04/12/2021). Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận như sau: Lãi suất cầm cố: bằng 1,1% số tiền cầm cố/tháng; Phí quản lý hồ sơ: 1,9% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phí tất toán trước hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí bảo dưỡng hao mòn xe: 0 đồng/tháng.

Thực hiện theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty S đã chuyển khoản cho ông Hiệu số tiền 19.800.000 đồng. Do nhu cầu cần có xe đi lại sử dụng hàng ngày nên ông H có làm “giấy mượn xe” và phía công ty đã đồng ý cho ông H mượn lại xe thông qua việc ký kết “Giấy mượn xe” ngày 04/12/2020. Trong “Giấy mượn xe” có quy định rõ thời hạn mượn xe là 30 ngày từ 04/12/2020 đến hết 04/01/2021, địa điểm trả xe là tại Chi nhánh L – Công ty S, ông H có cam kết “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Minh H đã thanh toán cho Công ty S tổng cộng 13.570.740 đồng (gồm gốc là 8.433.529 đồng, lãi là 1.088.316 đồng, phí là 4.048.894 đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày 04/6/2021 cho đến nay ông H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán và khoản vay đã quá hạn hợp đồng, ông H không trả nợ và cũng không trả lại xe máy cho Công ty cổ phần S tiền có ngay.

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Đặng Minh H tại địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) nhưng đều không gặp. Công ty S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông H trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty nhưng ông H không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Nay Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đặng Minh H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 36.568.913 đồng (trong đó: Nợ gốc 11.366.470 đồng, tiền lãi quá hạn: 24.788.152 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là: 414.291 đồng) và yêu cầu ông H tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Minh H không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, hợp đồng cầm cố tài sản số LTM201201003NA19X được ký giữa các bên ngày 04/12/2020. Hai bên ký kết hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung không trái với các quy định của pháp luật. Xem xét quá trình thực hiện hợp đồng cho thấy ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay. Vì vậy, việc Công ty cổ phần S tiền có ngay yêu cầu Tòa án buộc ông H thanh toán cho Công ty tính đến ngày 08/7/2025 tổng số tiền 36.568.913 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về việc buộc ông Đặng Minh H thanh toán cho Công ty tổng số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 36.568.915 đồng và ông H tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Đặng Minh H đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty cổ phần S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đặng Minh H thanh toán nợ cho Công ty theo hợp đồng cầm cố, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Căn cứ Hợp đồng cầm cố tài sản số LTM201201003NA19X ký ngày 04/12/2020 giữa Công ty cổ phần S tiền có ngay với ông H là có thật. Xét nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 309, 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán cho công ty T 13.570.740 đồng. Kể từ ngày 04/6/2021 cho đến nay ông H đã vi phạm

nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Công ty đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để trả nợ nhưng ông H vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 08/7/2025 ông H còn nợ 36.568.913 đồng (trong đó: Nợ gốc 11.366.470 đồng, tiền lãi quá hạn: 24.788.152 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 414.291 đồng). Việc ông H không thanh toán cho Công ty S là vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Do đó, đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H phải thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền 36.568.91 đồng. Ngoài ra, ông H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 09/7/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.828.445 đồng, trả lại cho Công ty S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, 309, 310, 311, 312, 314, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S tiền có ngay về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố” đối với ông Đặng Minh H.

Buộc ông Đặng Minh H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tính đến ngày 08/7/2025 là 36.568.913 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn chín trăm mười ba đồng), trong đó: Nợ gốc 11.366.470 đồng, tiền lãi quá hạn: 24.788.152 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định: 414.291 đồng)

Kể từ ngày 09/7/2025, ông Đặng Minh H còn phải tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các khoản phí phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Minh H phải chịu số tiền 1.828.445 đồng (một triệu tám trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 520.000 đồng theo biên lai số 0014792 ngày 13/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ)

**3.** Công ty cổ phần S tiền có ngay được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND Khu vực 2 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nhật Lệ**